

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị H Tuyền;
2. Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 95, đường Chùa Ông, tổ 03, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Minh C, sinh năm 1990 và bà Lâm Thị Kim U, sinh năm 1992, cùng cư trú: hẻm số 1045x, tổ 06, khóm M, phường M, thành phố H, tỉnh An Giang.

Bà H, ông C có mặt; Bà U vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Do quen biết nên bà H có cho ông Phạm Minh C vay tiền nhiều lần, không có lập biên nhận nợ, cụ thể như sau:

Về khoản vay tính lãi: Ngày 13/9/2020 âm lịch, vay 10.000.000 đồng; Ngày 24/9/2020 âm lịch, vay 15.000.000 đồng; Ngày 17/10/2020 âm lịch, vay 10.000.000 đồng; Ngày 27/11/2020 âm lịch, vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 16/12/2020 âm lịch, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất của mỗi lần vay là 8%/tháng. Tổng cộng, ông C đã vay 55.000.000 đồng, đóng lãi được 04 tháng với số tiền 3.200.000 đồng, không trả nợ gốc.

Về khoản vay trả góp: Ngày 28/10/2020 âm lịch, vay 10.000.000 đồng, góp được 27 ngày là 5.400.000 đồng; Ngày 24/12/2020 âm lịch, vay 10.000.000 đồng, góp được 24 ngày là 4.800.000 đồng; Ngày 09/01/2021 âm lịch, vay 10.000.000 đồng, góp được 09 ngày là 1.800.000 đồng; Ngày 18/01/2021 âm lịch, vay 10.000.000 đồng, chưa góp được ngày nào. Tổng cộng, ông C vay 40.000.000 đồng, góp được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 28.000.000 đồng.

Sau ngày 18/01/2021 âm lịch, ông C không còn trả nợ gốc và lãi và bỏ trốn đi khỏi địa phương. Đến ngày 15/5/2021 âm lịch, bà H và ông C chốt lại số nợ là 83.000.000 đồng và ông C xin trả dần mỗi ngày 250.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông C chỉ trả được 11 ngày (từ ngày 16/5/2021 âm lịch đến ngày 26/5/2021 âm lịch) số tiền 2.750.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Do đó, ông C còn nợ lại số tiền 80.250.000 đồng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông C tiếp tục trả nợ nhưng ông C hứa hẹn mà không thực hiện nên bà H khởi kiện yêu cầu ông C và vợ là bà U có trách nhiệm trả số nợ 80.250.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: chồng bà H có nhận của ông C tiền góp 02 ngày là 500.000 đồng nên ông C chỉ còn nợ bà H số tiền 79.750.000 đồng. Bà H yêu cầu ông C và bà U cùng có trách nhiệm trả số nợ trên, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 11/01/2022, bà H có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà U; yêu cầu ông C có trách nhiệm trả số nợ 79.750.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H đã cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: USB chứa file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và ông C; Giấy ghi nợ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Minh C trình bày: Thống nhất về thời gian vay như bà H trình bày, năm 2020 có vay tiền của bà H nhiều lần, mục đích vay dùng để tiêu xài cá nhân không mang về nhà nên không liên quan đến bà U (vợ ông C), lãi suất vay 8%/tháng, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, có lần vay 15.000.000 đồng, tổng cộng vay 55.000.000 đồng. Đồng thời, có vay theo hình thức trả góp mỗi lần vay 10.000.000 đồng, góp

trong thời hạn 02 tháng, lãi 2.000.000 đồng, tức vay 10.000.000 đồng trả góp thành 12.000.000 đồng, tổng cộng vay góp của bà H 40.000.000 đồng và góp được 01 tháng thì tiếp tục vay thêm nên không nhớ rõ đã góp cho bà H được bao nhiêu tháng.

Đối với việc bà H cho rằng, ông C đóng lãi được 3.200.000 đồng và góp được 11 ngày với số tiền 2.750.000 đồng thì ông C không đồng ý, tổng cộng ông C đã đóng lãi được 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, góp được 33 ngày là 8.250.000 đồng. Tuy nhiên, khi vay và đóng lãi không lập thành văn bản hay giấy tờ nên ông C đồng ý còn nợ bà H số tiền 79.750.000 đồng. Do hoàn C kinh tế khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài lời khai, ông C không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị Kim U trình bày: việc ông C vay tiền của bà H thì bà U không biết, các bên thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay như thế nào thì bà không rõ. Do đó, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa,

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bà H yêu cầu ông C có trách nhiệm trả số nợ 79.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông C đồng ý trả nợ nhưng do hoàn C kinh tế khó khăn, thu nhập thấp nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không có yêu cầu điều chỉnh về tiền lãi đã trả. Ngoài ra, các đương sự xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung cho Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giả quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo qui định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà U trả số nợ vay 80.250.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C trả bà được 500.000 đồng nên bà rút lại

yêu cầu đối với khoản tiền này, đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà U. Xác định yêu cầu ông C trả 79.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông C thống nhất các khoản vay, thời gian vay, hiện còn nợ số tiền như bà H trình bày. Tuy nhiên, ông không thống nhất số tiền lãi mà ông đã đóng như bà trình bày, cho rằng đã đóng lãi được 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khoản vay 55.000.000 đồng; ngoài ra, sau khi quay về địa phương khoảng tháng 05/2020 âm lịch đến nay ông đã góp cho bà H được 33 ngày với tổng số tiền 8.250.000 đồng. Do hoàn C khó khăn ông xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà H với ông C được thực hiện trên cơ sở tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng do ông C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và vốn vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà H yêu cầu ông C có trách nhiệm trả vốn vay một lần còn nợ là 79.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với số tiền lãi khoản vay 55.000.000 đồng, mặc dù các bên thỏa thuận lãi suất cao hơn so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm); tuy nhiên kể từ ngày ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 19/01/2021 âm lịch) đến nay bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ; hơn nữa ông C không yêu cầu điều chỉnh lãi, xét thấy việc không điều chỉnh lãi suất sẽ có lợi cho ông C nên đề nghị không điều chỉnh lãi suất.

Xét, yêu cầu của ông C xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hoàn C gia đình khó khăn, không được phía bà H chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

Theo nội dung khởi kiện bà H yêu cầu ông C bà U trả nợ vay với số tiền là 80.250.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C trả được 500.000 đồng nên bà H rút lại yêu cầu đối với số tiền này; đồng thời không yêu cầu bà U liên đới cùng ông C trả khoản nợ trên.

Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo hướng phân tích như trên.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ việc:* Bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà U trả nợ vay. Bị đơn có nơi cư trú tại khu vực khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố H, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* bà U vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà U theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:* Quá trình giải quyết vụ án, bà H khai ông C có trả thêm được 500.000 đồng và ngày 11/01/2022, bà H rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Lâm Thị Kim U; xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Minh C trả số nợ 79.750.000 đồng nên Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền 500.000 đồng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà U trả khoản nợ nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về vốn vay: Bà H và ông C giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và ông C thống nhất số nợ là 79.750.000 đồng. Do ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay là có căn cứ pháp luật quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất vay và tiền lãi đã trả:

- Về lãi suất vay: Đối với khoản vay 55.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng (800.000 đồng/tháng), lãi suất vay mà các bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật nhưng từ ngày ông C ngưng thanh toán (ngày 19/01/2021 âm lịch) cho đến nay, bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông C còn nợ. Đồng thời, ông C không có yêu cầu chỉnh lãi. Xét, việc bà H không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh lãi.

- Về tiền lãi đã trả: Bà H cho rằng đối với khoản vay có lãi, từ ngày vay 13/9/2020 âm lịch đến ngày 18/01/2021 âm lịch, ông C đóng lãi được 3.200.000 đồng và đối với khoản vay góp sau khi chốt nợ, từ ngày 16/5/2021 âm lịch, ông C góp đến 26/5/2021 âm lịch là 2.750.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Ông C cho rằng nhiều lần đóng lãi cho bà H với số tiền 800.000 đồng, tổng cộng đã đóng lãi được từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và sau khi từ Bình Dương trở về thì đã góp cho bà H được 33 ngày với tổng số tiền 8.250.000 đồng.

Xét thấy, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thời gian vay bắt đầu từ 13/9/2020 âm lịch, thời gian

ngưng trả nợ gốc và lãi ngày 18/01/2021 âm lịch, lãi suất 8%/tháng (800.000 đồng/tháng). Đến ngày 15/5/2021 âm lịch các bên chốt lại số nợ và ông C bắt đầu trả dần mỗi ngày 250.000 đồng, từ ngày 16/5/2021 đến ngày 25/5/2021 âm lịch. Như vậy từ ngày 13/9/2020 âm lịch đến ngày 18/01/2021 âm lịch là 04 tháng x 800.000 đồng = 3.200.000 đồng và thời gian ông C trả dần từ ngày 16/5/2021 đến ngày 25/5/2021 là 11 ngày x 250.000 = 2.750.000 đồng. Bên cạnh đó, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, không có cơ sở để xem xét về số tiền lãi đã đóng như ông C trình bày.

[6] Về phương thức thanh toán: Bà H yêu cầu ông C trả một lần hết toàn bộ số nợ còn lại, ông C xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng không được bà H đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của ông C không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ tiếp tục được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.987.500 đồng (79.750.000 đồng x 5%).

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với:

- Yêu cầu ông Phạm Minh C có trách nhiệm trả số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.
- Yêu cầu bà Lâm Thị Kim U liên đới trả cho bà H số tiền 79.750.000 (bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc ông Phạm Minh C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 79.750.000 (bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H số tiền 2.006.500 (*hai triệu không trăm lẻ sáu nghìn năm trăm*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0001861 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Phạm Minh C phải chịu 3.987.500 (*ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H, ông C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà U là 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam